

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 07/5/2024

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung”

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhan.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hà Thị Thúy, bà Nguyễn Thị Bích Nga.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Hồng Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Văn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 64/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/3/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21/3/2024, Thông báo hoãn phiên tòa ngày 08/4/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1981; ĐKKHKT: Khu dân cư TH, phường Q, thành phố HD, tỉnh Hải Dương. Hiện cư trú: Thôn Đ, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Cao Văn K**, sinh năm 1973; ĐKKHKT và hiện cư trú: Khu dân cư TH, phường Q, thành phố HD, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị của nguyên đơn chị Vũ Thị N, thể hiện:* Chị và anh Cao Văn K được tự do tìm hiểu một thời gian thì cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố HD ngày 13/4/2001. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K hay uống rượu, ghen tuông một cách mù quáng rồi về nhà chửi bới chị và các con, anh K nhiều lần đánh đập chị và xúc phạm chị một cách thậm tệ. Chị và người thân trong gia đình có khuyên bảo nhưng anh K không thay đổi từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng nhau, cuộc sống chung

không có hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 07/2023, sau đó chị cũng nghĩ đến các con nên Tết chị đưa con về nhà nhưng anh K lại đánh chị nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở Đ2 ở từ đó đến nay, mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng với anh K không còn. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K để hai bên sớm ổn định cuộc sống; Vợ chồng có 03 con chung là Cao Thị S, sinh ngày 02/02/2002, Cao Thị S1, sinh ngày 08/9/2005 và Cao Văn S2, sinh ngày 11/11/2012. Cháu S, cháu S1 đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Từ khi ly thân cháu S2 sống cùng chị nên chị có nguyện vọng nuôi cháu S2 và tự nguyện không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Vợ chồng không có nợ chung và công sức đóng góp với gia đình hai bên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn anh Cao Văn K đã biết việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án nhưng không đưa ra quan điểm đối với yêu cầu S2 kiện của nguyên đơn.

Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu S2 thể hiện cháu có nguyện vọng ở cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Lời khai người thân gia đình chị N, anh K và xác minh tại chính quyền địa phương, thể hiện: Chị N, anh K lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do anh K hay uống rượu về nhà chửi bới đánh đập chị N. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được. Nay chị N xin ly hôn anh K đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử chấp nhận yêu cầu S2 kiện của chị N, xử cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Cao Văn K; Về con chung: Đề nghị giao cháu Cao Văn S2, sinh ngày 11/11/2012 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh K không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh K đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại phường Q, thành phố HD. Chị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị N, anh K là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị N, anh K được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định. Do vậy, quan hệ hôn nhân của chị N, anh K là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự yêu thương, tôn trọng nhau. Mâu thuẫn của anh, chị đã được gia đình hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh K. Anh K đã biết Tòa án thụ lý giải quyết vụ án nhưng không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập và cũng không đưa ra quan điểm về việc giải quyết vụ án. Lời khai chị N về tình trạng vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai người làm chứng và kết quả xác minh tại chính quyền địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy chị N, anh K đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị N ly hôn anh K là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.2] *Về con chung:* Vợ chồng có 03 con chung là Cao Thị S, sinh ngày 02/02/2002, Cao Thị S1, sinh ngày 08/9/2005 và Cao Văn S2, sinh ngày 11/11/2012. Cháu S, cháu S1 đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Từ khi ly thân cháu S2 sống cùng chị N. Chị N có nguyện vọng nuôi cháu S2 và tự nguyện không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con chung còn anh K không đưa ra quan điểm về con chung, cháu S2 có nguyện vọng ở cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn. Do vậy để đảm bảo sự ổn định cho cháu S2, cần giao cháu S2 cho chị N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3] *Về tài sản chung:* Chị N xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh K không đưa ra quan điểm về vấn đề tài sản chung do vậy Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] *Về nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình hai bên:* Chị N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh K không đưa ra quan điểm về vấn đề này nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.5] *Về án phí:* Chị N xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu S2 kiện của chị Nguyễn Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Cao Văn K.

- Về con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Cao Văn S2, sinh ngày 11/11/2012 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh K được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002910 ngày 19/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chị N đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N, anh Cao Văn K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND phường Q, TP Hải Dương để lưu hồ tịch (ĐKKH: 13/4/2001);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Nhan**

